

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2022/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022- 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 422/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022- 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra số 446/BC-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đối với nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 theo phân cấp của Bộ Tài chính tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022.

2. Nội dung không quy định tại nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan do Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Căn cứ dự toán kinh phí phê duyệt cấp có thẩm quyền; nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước theo nghị quyết này; đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, trùng lặp với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chính sách hiện hành khác của tỉnh.

2. Trong trường hợp một nội dung hỗ trợ được điều chỉnh bởi nhiều cơ chế, chính sách khác do Trung ương, tỉnh quy định thì tổ chức, cá nhân chỉ lựa chọn một cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp, cao nhất.

3. Trường hợp các văn bản việc dẫn chiếu thực hiện Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

1. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ không quá 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn; mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/ha và hỗ trợ không quá 2,0ha/cá nhân và 5,0ha/tổ chức;

b) Hỗ trợ 50% chi phí san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ tối đa: 01 triệu đồng/ha.

2. Điều kiện hỗ trợ:

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; phù hợp thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định.

Điều 5. Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của Đài truyền thanh xã; hỗ trợ đầu tư các phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Thiết lập đài mới bằng Đài ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; thay thế cụm loa có dây, không dây FM hư hỏng không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông; Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin đến các hộ dân;

b) Đầu tư thiết bị kỹ thuật để số hóa sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện cho Trung tâm Văn hóa truyền thông huyện cấp huyện: Máy tính đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát thanh, truyền hình; phần mềm phục vụ hoạt động tác nghiệp; thiết bị xử lý kỹ thuật; nội dung khác theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; kinh phí hỗ trợ thông qua cấp huyện.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ không quá 50% chi phí mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã;

b) Hỗ trợ không quá 50% chi phí đầu tư các phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đối với mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Căn cứ kết quả nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng;

b) Đối với hỗ trợ đầu tư các phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện: Theo phương án, dự toán phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi hoàn chỉnh phương án theo văn bản góp ý của các sở, ngành liên quan.

Điều 6. Hỗ trợ một lần mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình

1. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, trong đó:

- Tối đa 700.000 đồng/hộ đối với mô hình xử lý bằng bể tự hoại hoặc bể lắng lọc bằng bê tông, xây gạch 03 ngăn.

- Tối đa 1.500.000 đồng/hộ đối với mô hình xử lý nước thải sinh hoạt bằng vật liệu composite hoặc vật liệu tương đương;

2. Điều kiện hỗ trợ:

Hộ gia đình thực hiện hoàn thành phù hợp văn bản hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 7. Hỗ trợ một lần kinh phí thực hiện xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô cấp thôn

1. Mức hỗ trợ: Không quá 50% kinh phí thực hiện xây dựng, tối đa 01 tỷ đồng/mô hình.

2. Điều kiện hỗ trợ: Quy mô từ 50 hộ dân trở lên theo phương án dự toán phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi hoàn chỉnh phương án theo văn bản góp ý của các sở, ngành liên quan.

Điều 8. Hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

1. Mức hỗ trợ:

a) Đối với lĩnh vực trồng trọt: Tổ chức, cá nhân sản xuất đạt tiêu chuẩn mã vùng trồng được hỗ trợ 05 triệu đồng/giấy xác nhận/tổ chức, cá nhân sau khi được cấp giấy xác nhận (theo kết quả đầu ra và không hỗ trợ giấy xác nhận được cấp

lại), mỗi xã hỗ trợ 2 mã vùng trồng;

b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/cơ sở chăn nuôi, bao gồm: Chi phí tư vấn, đánh giá cơ sở chăn nuôi sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), hữu cơ, truy xuất nguồn gốc.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đối với lĩnh vực trồng trọt: Hỗ trợ theo kết quả đầu ra sau khi tổ chức, cá nhân được cấp giấy xác nhận, không hỗ trợ giấy xác nhận được cấp lại và mỗi xã hỗ trợ 2 mã vùng trồng;

b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Theo kết quả đầu ra.

Điều 9. Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

1. Mức hỗ trợ:

a) Đối với Dự án/kế hoạch liên kết thực hiện ở địa bàn đặc biệt khó khăn (Theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc): Hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện 01 dự án, kế hoạch liên kết;

b) Đối với Dự án/kế hoạch liên kết thực hiện ở địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của chương trình: Hỗ trợ tối đa 50% tổng chi phí thực hiện 01 dự án, kế hoạch liên kết.

2. Điều kiện hỗ trợ:

Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính và các quy định khác liên quan; phương án, dự toán phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi hoàn chỉnh phương án theo văn bản góp ý của các sở, ngành liên quan.

Điều 10. Hỗ trợ một lần kinh phí thực hiện cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại cho tổ chức, cá nhân.

1. Mức hỗ trợ: Không quá 50% tổng kinh phí thực hiện cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

2. Điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 7, Điều 8, điểm c, điểm d Điều 9, Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ và khoản 4 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ; nội dung hỗ trợ cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Hỗ trợ một lần kinh phí thực hiện bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn có nguy cơ mai một, thất truyền; Hỗ trợ các làng nghề truyền thống ở nông thôn đã được công nhận và đang hoạt động hiệu quả để phát triển và nhận rộng.

1. Mức hỗ trợ: Không quá 50% kinh phí thực hiện, không quá 01 tỷ đồng/làng nghề; kinh phí hỗ trợ thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã;

2. Điều kiện hỗ trợ: Theo phương án, dự toán phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi hoàn chỉnh phương án theo văn bản góp ý của các sở, ngành liên quan.

Điều 12. Hỗ trợ đẩy mạnh, sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị (Trừ muối nhập khẩu và muối nguyên liệu mua từ các tỉnh khác)

1. Hỗ trợ một lần kinh phí thực hiện: Mô hình liên kết sản xuất muối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; Mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch; Mô hình sản xuất muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên.

a) Mức hỗ trợ: Không quá 50% kinh phí thực hiện, mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/mô hình;

b) Điều kiện hỗ trợ: Theo phương án, dự toán phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi hoàn chỉnh phương án theo văn bản góp ý của các sở, ngành liên quan.

2. Hỗ trợ một lần kinh phí thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối

Mức hỗ trợ: Không quá 50% kinh phí thực hiện, mức hỗ trợ tối đa theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 13. Hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

1. Hỗ trợ một lần kinh phí phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền: Xây dựng sân khấu biểu diễn cho các khu, điểm du lịch cấp tỉnh, mô hình du lịch nông thôn đã được cấp huyện phê duyệt (đã thành lập câu lạc bộ văn hóa dân gian như: Ca Trù, Dân ca Ví Giặm, lầy Kiều); Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn”.

a) Mức hỗ trợ: Không quá 50% kinh phí thực hiện, tối đa 100 triệu đồng/xây dựng sân khấu; 50 triệu đồng/đơn vị xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn;

b) Điều kiện hỗ trợ: Quy mô tối thiểu 50m²/sân khấu biểu diễn.

Trên cơ sở phương án, dự toán phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi hoàn chỉnh phương án theo văn bản góp ý của các sở, ngành liên quan; Kinh phí hỗ trợ thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã.

2. Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng các điểm checkin tại các khu, điểm du lịch cấp tỉnh, mô hình du lịch nông thôn đã được cấp huyện phê duyệt.

a) Mức hỗ trợ: Không quá 100 triệu đồng/điểm; kinh phí hỗ trợ thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã;

b) Điều kiện hỗ trợ: Quy mô tối thiểu 100m².

3. Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng điểm du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững

a) Mức hỗ trợ: Không quá 50% kinh phí thực hiện tối đa 1,0 tỷ đồng/mô hình; Kinh phí hỗ trợ thông qua Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Điều kiện hỗ trợ: Theo phương án, dự toán phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi hoàn chỉnh phương án theo văn bản góp ý của các sở, ngành liên quan.

Ngoài điều kiện nêu trên: Điểm du lịch, khu du lịch cấp tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

Điều 14. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

Nội dung, mức hỗ trợ: Không vượt quy định tại Điều 26 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính.

Điều 15. Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng mô hình hố ủ chất thải thực phẩm/chất thải hữu cơ sau phân loại từ chất thải rắn sinh hoạt để tạo phân hữu cơ quy mô cấp xã (Hố ủ chất thải thực phẩm tạo phân hữu cơ quy mô cấp xã)

1. Mức hỗ trợ: Không quá 50% kinh phí xây dựng mô hình, tối đa 10 triệu đồng/mô hình. Trường hợp quy mô mô hình cứ tăng thêm 50 hộ thì mức hỗ trợ tăng thêm 10 triệu đồng; đối với mô hình có quy mô từ 1.000 hộ trở lên, tối đa 200 triệu đồng.

2. Điều kiện hỗ trợ: Mô hình xử lý chất thải thực phẩm, chất thải hữu cơ phát sinh từ 50 hộ gia đình trở lên.

Điều 16. Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng mô hình: Xã thông minh; thôn thông minh; xã thương mại điện tử cho sản phẩm nông nghiệp, nông thôn chủ lực của đại phương (liên kết hợp tác giữa Trung ương, địa phương, các doanh nghiệp thương mại điện tử, ngân hàng và người dân)

1. Mức hỗ trợ: Không quá 50% kinh phí theo phương án dự toán.
2. Điều kiện hỗ trợ: Theo phương án, dự toán phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi hoàn chỉnh phương án theo văn bản góp ý của các sở, ngành liên quan.

Điều 17. Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam thực hiện phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”. Mức hỗ trợ:

1. Không quá 20 triệu đồng/Tổ hội nông dân nghề nghiệp.
2. Không quá 25 triệu đồng/ Chi hội nông dân nghề nghiệp.

Điều 18. Hỗ trợ thành lập mới mô hình và duy trì mô hình hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp

1. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025.

2. Mức hỗ trợ: Không quá 50% kinh phí xây dựng mô hình, tối đa 25 triệu đồng/mô hình.

3. Điều kiện hỗ trợ: Mô hình do hội viên phụ nữ làm chủ, có ý tưởng kinh doanh khả thi, máy móc, thiết bị chính thực hiện mô hình.

Điều 19. Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có để xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch

1. Nội dung hỗ trợ gia đình 05 không, 03 sạch: Thực hiện theo Văn bản hướng dẫn số 03/HD-ĐCT ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ về thực hiện cuộc vận động “xây dựng gia đình 05 không 03 sạch” và “gia đình 05 có, 03 sạch”.

2. Mức hỗ trợ: Không quá 50% kinh phí xây dựng mô hình, tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

3. Điều kiện hỗ trợ: Là hội viên phụ nữ đăng ký tham gia mô hình “xây dựng gia đình 05 không 03 sạch”.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- T.Tr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- T.Tr: HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng